

Bản án số: 329/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21/8/2019

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình
ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thành Chung;

Bà Nguyễn Thị Tuyết Ái

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thuý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 359/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Văn L, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Tổ 12, ấp PT, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Võ Thị C, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Tổ 20, ấp BL, xã NH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

(Ông L có mặt, bà C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/6/2019 cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Võ Văn L trình bày: Hôn nhân của ông với bà Võ Thị C do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang vào ngày 03/12/2012. Sau khi kết hôn bà C ở nhà làm nội trợ, còn ông lái xe tải nuôi gia đình. Thời gian chung sống ban đầu hạnh phúc Nng cách nay khoảng 03 tháng ông phát hiện bà C sử dụng ma túy, cờ bạc, rượu chè. Khi phát hiện ông có khuyên ngăn, bà C hứa sẽ bỏ Nng không làm được nên cả hai xảy ra mâu thuẫn, bà C bỏ về nhà cha mẹ ruột sống. Việc bà C sử dụng ma túy gia đình bà C cũng mới phát hiện gần đây, có khuyên can nhưng không được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, nay ông yêu cầu xin ly hôn với bà C.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Thị Huyền T, sinh ngày 13/12/2009 và Võ Thị Huỳnh N, sinh ngày 04/12/2017, các cháu hiện nay đang sống với bà C, khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là bà Võ Thị C không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của ông L.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thông báo thụ lý, hòa giải cũng như thông báo về việc tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà C theo quy định nhưng bà C vắng mặt, để đảm bảo quyền lợi của bà C, Tòa án có đến nhà của bà C để ghi nhận ý kiến của bà nhưng không gặp nên không thể ghi nhận ý kiến của bà.

Để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, Tòa án đã thực hiện thủ tục thu thập chứng cứ là xác minh tình trạng mâu thuẫn vào ngày 19/7/2019, được bà Nguyễn Thị Nhanh là mẹ của bà C cho biết hôn nhân giữa ông L và bà C do tự tìm hiểu, sau đó tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại xã PH. Trong quá trình chung sống hai bên thường xảy ra mâu thuẫn, cự cãi về vấn đề tiền bạc, nguyên nhân là L đi làm về không đưa tiền cho C phụ giúp nuôi con, C nói thì bị L chửi. Thời gian hai bên không còn chung sống với nhau C có về nhà bà sống được vài tháng rồi lên Tiền Giang làm thuê. Việc C có sử dụng ma túy hay không bà không biết nhưng C có nhậu nhẹt chung với bạn bè làm cho hai bên xảy ra mâu thuẫn, bà có khuyên C về sống lại với L nhưng C không đồng ý. Việc ly hôn giữa hai bên bà không có ý kiến.

Khi chung sống giữa L và C có 02 con chung như L trình bày. Cháu lớn đang sống với L, cháu nhỏ đang sống với C.

Tại biên bản xác minh ngày 22/7/2019 được công an xã PH cho biết hiện bà C vẫn còn đăng ký thường trú tại xã theo tàng thư công an đang giữ. Hiện bà C đi đâu và làm gì thì không rõ.

Tại phiên tòa, ông L thay đổi yêu cầu khởi kiện, đồng ý giao cháu Võ Thị Huỳnh N, sinh ngày 04/12/2017 hiện đang sống với bà C cho bà tiếp tục nuôi dưỡng, ông xin tiếp tục nuôi dưỡng cháu Võ Thị Huyền T và đồng ý cấp dưỡng cho cháu N theo quy định pháp luật. Ông L cho biết thời gian không sống chung thì cả hai không liên lạc, không chủ động hàn gắn tình cảm gia đình, bà C cũng đòi ly hôn. Riêng bà C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà theo thủ tục chung.

Đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa phát biểu: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong quá trình hòa giải, xác minh thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa không thuộc trường hợp phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa cũng N thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi đáp tại phiên tòa cho thấy hôn nhân của ông L và bà C có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông L theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Thị Huyền T, sinh ngày 13/12/2009 và Võ Thị Huỳnh N, sinh ngày 04/12/2017, cháu T đang sống với ông L, cháu N đang sống với bà C. Tòa án đã lấy lời khai của cháu T, được cháu cho biết nếu cha mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng sống với cha (ông L).

Để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển và ổn định về tâm sinh lý của các cháu sau này được tốt nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu T cho ông L được tiếp tục nuôi dạy. Bà C được tiếp tục nuôi cháu N.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng do ông L không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu N của ông L.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do ông L không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp ông L và bà C có yêu cầu sẽ giải quyết trong một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Võ Văn L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Võ Thị C. Bà C có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà C được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông L và bà C có đăng ký kết hôn theo quy định nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của ông L ly hôn với bà C thì thấy: Trong đời sống hôn nhân giữa hai bên thường hay phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai bên không hợp, thường hay cãi vã, bà C không chăm lo cho gia đình và cả hai đã không còn chung sống với nhau khoảng 04 tháng nay, thời gian không còn chung sống giữa hai bên không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm gia đình.

Tại phiên tòa ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà C. Do vậy có căn cứ cho thấy mục đích hôn nhân giữa hai bên không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng nên yêu cầu ly hôn của ông L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Thị Huyền T, sinh ngày 13/12/2009 và Võ Thị Huỳnh N, sinh ngày 04/12/2017. Ông L có yêu cầu nuôi cháu T hiện đang sống với ông L và cháu cũng có nguyện vọng sống với ông L, ông L cũng đồng ý giao cháu N đang sống với bà C cho bà nuôi dưỡng. Xét thấy cháu N tại thời điểm xét xử chưa đủ 36 tháng tuổi và để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển và ổn định về tâm sinh lý sau này được tốt nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu T cho ông L được tiếp tục nuôi dạy, bà C được tiếp tục nuôi dạy cháu N.

Ông L và bà C cùng các thành viên gia đình không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do ông L không yêu cầu bà C cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với cháu N, do không làm việc được với bà C về yêu cầu cấp dưỡng, tuy nhiên theo quy định pháp luật bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và tại phiên tòa

ông L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật nên ghi nhận sự tự nguyện của ông, ông L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 745.000 đồng đến khi cháu N thành niên, lao động được.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do ông L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Trường hợp ông L và bà C có yêu cầu sẽ giải quyết trong một vụ án khác.

[6] Về án phí: Ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 56, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Ông Võ Văn L được ly hôn với bà Võ Thị C.

- Về con chung: Ông L được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Võ Thị Huyền T, sinh ngày 13/12/2009. Bà C được tiếp tục nuôi cháu Võ Thị Huỳnh N, sinh ngày 04/12/2017.

Ông L và bà C cùng các thành viên gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung lẫn nhau.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Võ Thị Huỳnh N mỗi tháng 745.000 đồng cho đến khi cháu N thành niên. Thời điểm thực hiện cấp dưỡng được tính kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Án phí: Ông Võ Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và 300.000 đồng án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp theo biên lai thu số 0011351 ngày 11/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, ông L còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 159 ngày 03/12/2012 do UBND xã PH cấp không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh AG (1);
- VKS tỉnh AG (1);
- VKS huyện AP (2);
- THADS huyện AP (1);
- UBND xã PH (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu HS, VP (2);

Nguyễn Quang Bảo